

Số: 370/2019/QĐST-HNGĐ

Long Thành, ngày 23 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 528/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Quảng Thị Cà C, sinh năm 1995.

Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần Văn T, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn do Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành lập ngày 15 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quảng Thị Cà C và anh Trần Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Quảng Thị Cà C và anh Trần Văn T thỏa thuận, chị Cà C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung: Chị Cà C và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quảng Thị Cà C và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị C được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc D, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2014. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày Chị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Toàn không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện anh Trần Văn T chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0005268 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành (anh T đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã V (GCNKH số 27/2014);
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phụng